

**Cuộn điện từ**  
**VACC-S18-25-K5-3U-EX4D**  
Số bộ phận: 562902

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                                                                                      |
|-------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Kiểu vận hành                                   | điện                                                                                                                                         |
| Vị trí lắp đặt                                  | bất kì                                                                                                                                       |
| Hiển thị vị trí chuyển mạch                     | không                                                                                                                                        |
| Thời gian bật                                   | 100%                                                                                                                                         |
| Lớp cách nhiệt                                  | H                                                                                                                                            |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                      | 230 V AC: 50/60 Hz, công suất 2,5 VA<br>230 V DC: 2,5 W                                                                                      |
| Dao động điện áp cho phép                       | -15 % / +10 %                                                                                                                                |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)             | theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)<br>theo chỉ thị RoHS của EU                                                                         |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)           | theo quy định UK EX<br>theo các quy định UK RoHS                                                                                             |
| Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu | EPL Db (GB)<br>EPL Db (IEC-EX)<br>EPL Gb (GB)<br>EPL Gb (IEC-EX)                                                                             |
| Chống cháy nổ                                   | Vùng 1 (ATEX)<br>Vùng 1 (IEC EX)<br>Vùng 1 (UKEX)<br>Vùng 2 (ATEX)<br>Vùng 21 (ATEX)<br>Vùng 21 (IEC EX)<br>Vùng 21 (UKEX)<br>Vùng 22 (ATEX) |
| Cơ quan cấp chứng chỉ                           | BVS15ATEXE135<br>IECEXBVS.15.0116                                                                                                            |
| Danh mục ATEX Khí                               | II 2G                                                                                                                                        |
| Danh mục ATEX Bụi                               | II 2D                                                                                                                                        |
| Loại chống cháy nổ Khí                          | Ex db IIC T6, T5, T4 Gb                                                                                                                      |
| Loại chống cháy nổ Bụi                          | Ex tb IIIC T80°C,95°C,130°C Db                                                                                                               |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài            | T4, T130°C: -50°C ≤ Ta ≤ +90°C<br>T5, T95°C: -50°C ≤ Ta ≤ +55°C<br>T6, T80°C: -50°C ≤ Ta ≤ +40°C                                             |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 4 - ứng suất ăn mòn đặc biệt mạnh                                                                                                            |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364 Vùng III                                                                                                                           |
| Mức độ bảo vệ                                   | IP65                                                                                                                                         |

| Đặc tính                  | Giá trị                          |
|---------------------------|----------------------------------|
| trọng lượng sản phẩm      | 1700 g                           |
| Cổng nối điện             | Hộp đầu cuối, đầu vào cáp NPT1/2 |
| Ghi chú vật liệu          | Tuân thủ RoHS                    |
| Vật liệu cuộn dây điện từ | Hợp kim nhôm rèn<br>Gang xám     |